

Hợp tác Đông Á sau Chiến tranh Lạnh và vai trò của Việt Nam

KIM NGỌC THU TRANG

Tóm tắt: Những năm đầu thế kỉ XXI, Đông Á và Hợp tác Đông Á là vấn đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trên thế giới. Nằm ở vị trí địa chiến lược của châu Á, khu vực Đông Á hiện nay không chỉ nổi lên bởi những vấn đề mang tính thời sự mà quan trọng hơn là những bước tiến mang tính đột phá về phát triển kinh tế với những điểm sáng như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Đông Nam Á (Singapore, Thái Lan...). Hơn 30 năm kể từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, mặc dù còn những khó khăn, trở ngại song hợp tác Đông Á đã đạt được những thành tựu nhất định, góp phần nâng cao vị thế khu vực trên trường quốc tế. Là một quốc gia Đông Nam Á, Việt Nam đã có những đóng góp nhất định đối với sự phát triển của Cộng đồng Đông Á. Bài viết tìm hiểu sự hình thành, thực trạng hợp tác Đông Á đầu thế kỉ XXI, đồng thời đánh giá những đóng góp và vai trò của Việt Nam đối với tiến trình hợp tác này.

Từ khóa: Đông Á; Việt Nam; Hợp tác.

1. Sự hình thành và phát triển của hợp tác Đông Á

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, quan hệ quốc tế xuất hiện những xu hướng mới, trước hết là toàn cầu hoá, khu vực hoá. Cùng với đó là xu thế hòa bình, hợp tác cùng phát triển. Đây là một xu thế khách quan và ngày càng phát triển trong điều kiện của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, là cơ hội cho sự phát triển của các quốc gia trong khu vực, đòi hỏi sự cố kết, liên kết của các quốc gia vào một cộng đồng chung cùng phát triển. Trong bối cảnh đó, sự thống nhất và liên kết

trong một cộng đồng Đông Á trở thành một yêu cầu tất yếu.

Năm 1990, Thủ tướng Malaysia - Mahathir Mohamad đề xuất sáng kiến về "Nhóm kinh tế Đông Á" (EAEG) bao gồm hầu hết các nước ven biển Đông Á, hoạt động trong khuôn khổ APEC nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của châu Á đối với Mỹ. Tuy nhiên, Mỹ đã tìm cách huy động các đồng minh ở châu Á chống lại kế hoạch này vì sợ sẽ làm giảm vai trò của Mỹ ở khu vực.

Sau Chiến tranh Lạnh, những rào cản về ý thức hệ và sự đối đầu giữa hai cực Xô

* TS. Kim Ngọc Thu Trang, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

- Mỹ ở Đông Á từng bước được gỡ bỏ, các nước trong khu vực có điều kiện tăng cường hòa giải các mối quan hệ và làm giảm nguy cơ xung đột trong khu vực. Các sáng kiến bắt đầu trở thành thực tiễn nhiều hơn. Châu Á - Thái Bình Dương với tư cách là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trong thế kỷ XXI không nằm ngoài quy luật đó. Các hình thức liên kết khu vực với nhiều đặc điểm, tính chất và mức độ khác nhau đã và đang tồn tại, phát triển mạnh mẽ ở khu vực này, trong đó có các cơ chế như ASEAN, APEC... Các cơ chế liên kết từng bước được định hình, tạo nên một cấu trúc hợp tác toàn diện hơn mang tầm khu vực như “Diễn đàn khu vực ASEAN” (ARF) thành lập năm 1994, “Hội nghị Á-Âu” năm 1996, Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ) (năm 1995). Có thể nói, trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính khu vực 1997, các sáng kiến về hợp tác và liên kết đa phương ở Đông Á đã xuất hiện nhưng đều thiếu một nền tảng vững chắc và những cam kết đủ mạnh để thành hiện thực.

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 - 1998 khiến các nhà hoạch định chính sách ở Đông Á nhận thấy sự cần thiết phải tăng cường hợp tác để bảo vệ các lợi ích chung của họ ở khu vực. Cuộc khủng hoảng cũng cho thấy các nền kinh tế trong khu vực có mức độ phụ thuộc vào các thị trường bên ngoài khá cao, chịu rủi ro cao từ các biến động bên ngoài, do đó, các quốc gia ý thức được sự cần thiết phải gia tăng hợp tác để nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức mà một quốc gia không thể tự mình chống đỡ, tránh sự phụ thuộc và áp đặt của bên ngoài.

Trong bối cảnh đó, năm 1997, Thứ trưởng Tài chính Nhật Bản - Eisuke Sakakibara đưa ra sáng kiến về “Quyển Tiên

tệ châu Á” (AMF) trị giá 100 tỉ USD để ổn định tỉ giá ở châu Á, tăng cường khả năng tự lực ứng phó của khu vực, tránh bị quá lệ thuộc vào IMF. Tuy nhiên, sáng kiến này bị Mỹ thông qua Trung Quốc phản đối, viện dẫn hình ảnh về một nước Nhật bá quyền ở khu vực. Mặc dù vậy, đây vẫn là bước tiến mới trong quá trình thể chế hoá hướng tới một tổ chức hợp tác Đông Á. Sau này, những nội dung tương tự của đề nghị này đã được tái hiện như một lĩnh vực quan trọng trong báo cáo “*Hướng tới một cộng đồng Đông Á: Khu vực hoà bình, thịnh vượng và tiến bộ*” của Nhóm Tầm nhìn Đông Á (EAVG).

Mốc đánh dấu xu hướng hợp tác Đông Á rõ rệt nhất phải kể đến là hình thành cơ chế hợp tác ASEAN+3 năm 1997. Sau khủng hoảng tài chính châu Á, tháng 12/1997, lãnh đạo các nước ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đã tổ chức một hội nghị phi chính thức tại thủ đô Kuala Lumpur của Malaysia. Mặc dù lúc đó, chủ đề chính của hội nghị các nhà lãnh đạo là làm thế nào để đối phó với khủng hoảng tiền tệ, nhưng đó lại là điểm khởi đầu mới cho việc thúc đẩy sự hợp tác của khu vực, đánh dấu cho sự khởi động của cơ chế ASEAN + 3...

Năm 1998, Hội nghị các nhà lãnh đạo Đông Á tổ chức tại Manila (Philippines) đã đi tới nhận thức chung về nguyên tắc hợp tác, phương hướng và trọng điểm của Hợp tác Đông Á, lần đầu tiên đưa ra “*Tuyên bố chung về Hợp tác Đông Á*”, trong đó nêu rõ: “Sẽ tiếp tục tiến hành đối thoại, hài hoà và hợp tác, tăng cường tìm hiểu và tin cậy lẫn nhau, từ đó xây dựng hoà bình và ổn định lâu dài ở Đông Á”. Từ đó, Hội nghị các nhà lãnh đạo được cố định mỗi năm một lần, hơn nữa còn từng bước tăng thêm nhiều hội nghị bộ trưởng, khiến cơ chế “10 + 3” trở thành con

đường chính của hợp tác và đối thoại của các nước khu vực Đông Á.

Năm 2001, báo cáo của “Nhóm tầm nhìn Đông Á” đã chỉ ra mục đích lâu dài của hợp tác Đông Á là xây dựng một Cộng đồng Đông Á (EAC), vạch ra khuôn khổ và sơ đồ chung cho tiến trình hợp tác khu vực. Theo khuôn khổ này thì mục tiêu của Cộng đồng Đông Á là xây dựng khu vực hòa bình, phát triển và phồn thịnh. Cộng đồng Đông Á gồm ba trụ cột: (1) hợp tác về chính trị xây dựng các cơ chế của nhóm thượng đỉnh Đông Á; (2) hợp tác về kinh tế mà chủ yếu là xây dựng khu mậu dịch tự do Đông Á và cơ chế hợp tác tín dụng Đông Á; (3) hợp tác văn hóa - xã hội, tức là phát triển cơ chế tham dự và giao lưu giữa nhân dân các nước Đông Á.

Bước sang thế kỉ XXI, hợp tác Đông Á đã có những bước tiến nổi bật thông qua cơ chế ASEAN + 3. Năm 2004, Hội nghị các nhà lãnh đạo ASEAN và Đông Bắc Á tại Lào đã đặt ra khuôn khổ chung cho hợp tác Đông Á trên ba nội dung quan trọng: Thứ nhất, khẳng định vai trò chủ đạo của ASEAN trong việc thúc đẩy Cộng đồng Đông Á; Thứ hai, coi cơ chế ASEAN + 3 là cơ chế chính để xây dựng EAC; Thứ ba, thể hiện hợp tác kinh tế ASEAN + 3 là chủ chốt, cơ bản để thúc đẩy xây dựng EAC⁽¹⁾.

Năm 2010, Hội nghị cấp cao ASEAN + 3 được tổ chức thành công tại thủ đô Hà Nội. Với tư cách là nước Chủ tịch luân phiên của ASEAN, Việt Nam khẳng định tiến trình ASEAN + 3 ngày càng chứng tỏ là một cơ chế năng động và hiệu quả nhất trong việc thúc đẩy hợp tác Đông Á, khẳng định được vai trò là khuôn khổ chính hướng tới mục tiêu lâu dài là xây dựng một cộng đồng ở Đông Á.

Năm 2013, Hội nghị cấp cao ASEAN + 3 diễn ra thành công tại Bandar Seri

Begawan, Brunei với sự thống nhất về vai trò của hợp tác ASEAN + 3 là cơ sở chính để hiện thực hóa mục tiêu lâu dài xây dựng cộng đồng Đông Á với động lực chính là hợp tác ASEAN và đồng thời thông qua kế hoạch hợp tác ASEAN + 3 (giai đoạn 2013 – 2017) bao gồm các khu vực cần được ưu tiên và các biện pháp cần thiết để gắn kết hợp tác hơn nữa.

Mặc dù hợp tác Đông Á theo mô thức ASEAN+3 còn tiến triển chậm nhưng đã đạt được những kết quả nhất định. Cơ chế hợp tác ASEAN+3 đã được hình thành, thể hiện trong các văn kiện, như: Tuyên bố chung Hợp tác Đông Á, các báo cáo của Nhóm tầm nhìn Đông Á (EAVG), các báo cáo của Nhóm nghiên cứu Đông Á, các đề nghị tổ chức Cấp cao Đông Á, khu vực mậu dịch tự do Đông Á, cộng đồng Đông Á, các sáng kiến của Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc. Hàng năm, các quan chức cấp cao của ASEAN+3 thường xuyên gặp gỡ, ký các thoả thuận hợp tác về nhiều lĩnh vực, nhất là về kinh tế.

2. Thành tựu và hạn chế trong hợp tác Đông Á đầu thế kỉ XXI

2.1. Thành tựu

Về kinh tế

Thương mại nội bộ khu vực Đông Á (gồm ASEAN+3 và Hồng Kông, Đài Loan) đã tăng trưởng mạnh mẽ trong khoảng ba thập kỷ gần đây. Thương mại nội bộ khu vực trong tổng kim ngạch thương mại toàn Đông Á đã tăng từ 37% năm 1980 lên 55% năm 2006. Tỷ lệ này tuy còn thấp hơn so với thương mại nội bộ của EU-15 trước đây (đạt mức cao nhất 66% năm 1990), song nó vượt chỉ số này của khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (49% năm 2001)⁽²⁾.

Trong liên kết khu vực ở Đông Á, ASEAN là nhân tố quan trọng dẫn đến

việc hình thành khuôn khổ hợp tác Đông Á. Tổ chức này đã tham gia tích cực và thúc đẩy thành công các sáng kiến liên kết kinh tế và hợp tác tài chính quan trọng ở khu vực Đông Á như đa phương hóa Sáng kiến Chiang Mai (CMIM) về hoán đổi tiền tệ, tăng thanh khoản trong trường hợp các nước thành viên gặp khó khăn về thanh toán cho tới Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN +3 (tháng 5/2004), đã có 16 hiệp định hoán đổi song phương (BSA) được ký kết giữa các nước Đông Á với tổng số tiền lên tới 35,6 tỉ USD; xây dựng Thị trường trái phiếu châu Á (ABMI)...

Sau một thời gian cân nhắc giữa các phương án xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Đông Á (EAFTA) trong khuôn khổ ASEAN+3 được Trung Quốc ủng hộ và hình thành Đối tác kinh tế toàn diện (CEPEA) trong khuôn khổ ASEAN+6 do Nhật Bản thúc đẩy, ASEAN đã đi đến quyết định khởi động đàm phán thành lập khuôn khổ Đối tác kinh tế toàn diện (RCEP) tại Hội nghị Cấp cao Đông Á ở Phnom Penh, Campuchia (tháng 11/2012). RCEP có sự tham gia của 16 nước EAS, (trừ Nga và Mỹ). RCEP được dự kiến sẽ tạo ra một không gian kinh tế mở lớn thứ 3 trên thế giới với quy mô dân số 3 tỉ người, chiếm 49% dân số của thế giới và tổng GDP hơn 21 nghìn tỉ, chiếm 30%.

Sự phụ thuộc và hợp tác lẫn nhau giữa các nền kinh tế Đông Á làm cho khu vực này hiện trở thành một trong ba trung tâm kinh tế lớn nhất trên thế giới. Đó sẽ là một đối trọng có nhiều lợi thế cạnh tranh quốc tế. Mặc dù cộng đồng Đông Á chưa có hình hài như EU, NAFTA nhưng nó đã báo hiệu một xu thế tương đối chắc chắn, quá trình hình thành đã là quá trình hội nhập không chỉ trong khuôn khổ song phương mà cả đa phương.

Về an ninh, chính trị

Nhằm hiện thực hóa Cộng đồng Đông Á, các nước trong khu vực đã và đang tham gia một số cơ chế chủ yếu:

Một là, ASEAN + 3: Xây dựng Cộng đồng Đông Á là sản phẩm trực tiếp của tiến trình hợp tác ASEAN + 3. Tiến trình ASEAN + 3, là khuôn khổ đầu tiên mà ASEAN thiết lập thành công nhằm thúc đẩy hợp tác ở Đông Á, được ASEAN xem như công cụ chính hướng đến mục tiêu xây dựng cộng đồng ở Đông Á, mặc dù còn hạn chế, tới nay vẫn là một bộ phận quan trọng trong cấu trúc hợp tác khu vực ở Đông Á.

Hai là, hội nghị cấp cao Đông Á (EAS): Cơ chế Hội nghị cấp cao Đông Á lần đầu tiên họp tại Kuala Lumpur năm 2005 với sự tham dự của 16 nước thành viên và đến năm 2010 mở rộng ra 18 nước, bao gồm cả Nga, Mỹ và hầu hết các nước lớn nằm trong phạm vi địa lý của Đông Á hoặc có hiện diện lợi ích ở Đông Á, đã trở thành một bộ phận quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh hợp tác ở Đông Á, một trụ cột trong cấu trúc hợp tác đang nổi lên ở Đông Á. Trong cấu trúc hợp tác đang định hình ở Đông Á, ASEAN+3 và EAS được xem là hai trụ cột chính, có quan hệ hỗ trợ cho nhau và cùng hướng tới mục tiêu lâu dài là xây dựng cộng đồng ở Đông Á. Sự tham gia ở cấp cao của hầu hết các nước lớn, có lợi ích thường trực ở khu vực, khiến EAS ngày càng đóng một vai trò được chú ý hơn trong tương quan so sánh với các khuôn khổ hợp tác và đối thoại khác.

Ba là, diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF) được thành lập trên cơ sở Hội nghị các nước đối thoại sau Hội nghị ngoại trưởng ASEAN được chọn làm hình thức ban đầu của hợp tác an ninh nhiều bên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây là cơ chế an ninh "mềm" và

“mở” có nhiều mặt phù hợp với trào lưu thời đại và đặc điểm khu vực.

Về xã hội, văn hóa

Các hoạt động hợp tác chuyên ngành ngày càng được mở rộng, được thể chế hoá thành các kênh hợp tác cấp Bộ trưởng và quan chức cao cấp, với rất nhiều chương trình, dự án khác nhau được triển khai trên các lĩnh vực như văn hóa, giáo dục - đào tạo, lao động, khoa học công nghệ, môi trường và biến đổi khí hậu, y tế, quản lý thiên tai, phúc lợi xã hội và phát triển, buôn bán phụ nữ và trẻ em, HIV/AIDS, bệnh dịch... Thông qua đẩy mạnh hợp tác trên các lĩnh vực văn hoá - xã hội, các nước có điều kiện đề cao và phát huy ý thức cộng đồng, cả trong việc duy trì bản sắc văn hoá khu vực, cũng như trong hỗ trợ lẫn nhau nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức đang nổi lên tác động đến cuộc sống của người dân và sự phát triển của mỗi nước.

2.2. Hạn chế

Bên cạnh những thuận lợi, hợp tác Đông Á còn tồn tại không ít những khó khăn và hạn chế.

Một là, tính bất cập của thể chế hợp tác Đông Á tác động tiêu cực đến quá trình hội nhập khu vực. Khuôn khổ hợp tác Đông Á hiện nay bao gồm 3 cơ chế: ASEAN + 3, ASEAN + 1 và EAS. Thể chế hoạt động này có những mặt tích cực đối với quá trình liên kết khu vực và xây dựng Cộng đồng Đông Á. Tuy nhiên, thể chế trên cũng có những tác động tiêu cực đối với quá trình hội nhập toàn khu vực và sự thống nhất cộng đồng. Xét về quy mô và tầm ảnh hưởng thì cơ chế ASEAN + 3 hoặc EAS là rất quan trọng, liên quan đến tất cả các nước trong khu vực và tác động đến nhiều lĩnh vực của quá trình liên kết khu vực Đông Á. Song trên thực tế, hai cơ chế này chỉ được xem như là khuôn khổ hợp tác,

còn thực chất của việc triển khai hợp tác lại thông qua cơ chế ASEAN + 1. Điều đó được thể hiện qua việc từng nước Đông Bắc Á ký các Hiệp định mậu dịch tự do riêng lẻ với ASEAN. Hoạt động riêng lẻ này của từng nước Đông Bắc Á với ASEAN (đặc biệt là của trường hợp Nhật Bản với một số nước trong ASEAN) có nguy cơ dẫn đến tình trạng ly tâm, đặt ra những thách thức lớn đến quá trình liên kết, thống nhất toàn Đông Á nói chung, quá trình xây dựng Cộng đồng Đông Á nói riêng.

Hai là, thiếu hạt nhân chi phối, nắm vai trò lãnh đạo Cộng đồng Đông Á. Nếu như hợp tác ở EU có những hạt nhân ban đầu quan trọng như Đức, Pháp và hợp tác Bắc Mỹ có hạt nhân là Hoa Kỳ thì ở Đông Á thiếu hẳn hạt nhân này. Hiện nay, các nước lớn đang ra sức đẩy mạnh các hoạt động tranh giành ảnh hưởng, đặc biệt trong việc nắm vai trò lãnh đạo Cộng đồng Đông Á, gây khó khăn, thách thức cho việc hình thành Cộng đồng Đông Á.

Ba là, sự đa dạng về các yếu tố chính trị, văn hóa và xã hội. Đông Á là nơi tồn tại những chế độ chính trị khác nhau, từ cộng sản như Trung Quốc và Việt Nam, tới tư bản phát triển cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Singapore và có cả những chế độ chính trị quân phiệt như Myanmar. Ở đây cũng tồn tại những quốc gia mang tham vọng bá quyền toàn cầu và khu vực như Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, các nước trong khu vực có những lợi ích chính trị không giống nhau, dẫn tới xung đột lợi ích, thậm chí cả xung đột vũ trang. Thêm vào đó, sự khác biệt về văn hóa giữa các nước Đông Á cũng là một nhân tố trở ngại, khiến cho suy nghĩ và sự giao lưu của người dân trong khu vực bị cản trở. Sự phân bố trên một không gian địa lý quá rộng càng làm cho sự hiểu biết và giao lưu của người dân trong khu vực bị hạn chế.

Bốn là, sự chênh lệch vị thế đáng kể giữa các quốc gia trong vùng. Trình độ phát triển kinh tế khác nhau dẫn đến những lợi ích và ưu tiên khác nhau trong chính sách liên kết khu vực của các nước trong khu vực, đồng thời làm tăng tính bất tương xứng trong tương tác giữa các quốc gia và nguy cơ của những bất bình đẳng mới và khó khăn trong thể chế hoá quan hệ kinh tế khu vực.

Như vậy, mặc dù còn có những khó khăn, trở ngại nhất định, hợp tác khu vực Đông Á đã đạt được những thành tựu nhất định nhờ sự nỗ lực chung của cả cộng đồng các nước Đông Á. Có lẽ ít có nơi nào trên thế giới lại tồn tại nhiều diễn đàn, cơ chế hợp tác đan xen, với nhiều tầng nấc và phạm vi khác nhau như ở Đông Á như ASEAN+1, ASEAN+3, EAS, ARF, Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+) và các khuôn khổ quan trọng khác như Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu (ASEM), với một điểm chung là đều có sự tham gia của hầu hết các cường quốc trong và ngoài khu vực. Tất cả những cơ chế này tạo nên không gian chung để các nước tăng cường đối thoại, xây dựng lòng tin, thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Việc tìm kiếm một mô hình hợp tác mang đậm bản sắc khu vực là một quá trình lâu dài và khó khăn nhưng cũng sẽ là mục tiêu quan trọng của các nước thành viên Đông Á.

3. Vai trò của Việt Nam trong hợp tác Đông Á

Hoà bình, an ninh và ổn định ở Đông Á có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam. Bài học của thời kỳ đất nước bị bao vây, cấm vận đã giúp Việt Nam nhận thức rõ tầm quan trọng trong mối quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng. Bởi vậy, việc

tạo dựng môi trường khu vực thuận lợi để phát triển là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam trong chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới.

Bước sang thế kỉ XXI, Việt Nam đã tích cực tham gia vào các tiến trình liên kết khu vực, coi đây là cầu nối để vươn ra các cơ chế hợp tác liên khu vực và thế giới. Việt Nam có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và tiến triển của Cộng đồng Đông Á.

Trước hết, Việt Nam là hạt nhân quan trọng đoàn kết các thành viên trong Cộng đồng vì mục tiêu hoà bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Việt Nam đã cùng các quốc gia Đông Nam Á xây dựng ASEAN thành một tổ chức khu vực thành công nhất trong thế giới các nước đang phát triển, xoá đi những dấu vết của sự mâu thuẫn, đối đầu giữa 2 nhóm nước ASEAN và Đông Dương trong thời kỳ chiến tranh Lạnh. Hiện nay, ASEAN trở thành hạt nhân của nhiều mối quan hệ hợp tác lớn như APEC, ASEM và đang đảm nhiệm vai trò là hạt nhân, “đầu tàu” của quá trình hình thành Cộng đồng Đông Á. Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực ngoại giao, tăng cường đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau giữa các nước thành viên nhằm đạt tới sự đồng thuận trong giải quyết các vấn đề chung của khu vực. Việt Nam được các nước ASEAN và các nước đối thoại khác trong ARF ghi nhận, đánh giá cao và tín nhiệm ủng hộ, bầu chọn vào ghế uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc, nhiệm kỳ 2008 - 2009 và 2020-2021

Việt Nam là cầu nối, là đối tác tin cậy tăng cường thúc đẩy quá trình hợp tác Đông Á

Cùng với các nước ASEAN, trong quá trình hình thành Cộng đồng Đông Á, Việt

Nam đang phát huy vai trò là đối tác tin cậy của các nước thành viên. Việt Nam là thành viên chính thức của APEC từ năm 1998 và là một trong những thành viên sáng lập ASEM (năm 1996).

Những năm qua, vị thế và uy tín của Việt Nam ngày một nâng cao. Với tiến trình ASEAN+3, khuôn khổ hợp tác đầu tiên tại Đông Á do ASEAN khởi xướng, Việt Nam đã chủ động tham gia tích cực từ đầu. Việt Nam chủ trì tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN+3 tại Hà Nội tháng 12/1998, thông qua đề xuất lập nhóm Tầm nhìn Đông Á (EAVG) nghiên cứu về hướng phát triển tương lai của hợp tác ASEAN+3. Việt Nam đã chủ động tham gia xây dựng các định hướng lớn cho hợp tác ASEAN+3, nhất là thông qua 2 Tuyên bố về Hợp tác Đông Á lần 1 và lần 2, khẳng định lại tầm quan trọng của khuôn khổ hợp tác ASEAN+3, coi đó là công cụ chính cho mục tiêu lâu dài là xây dựng Cộng đồng Đông Á.

Đáng kể đến là vai trò của Việt Nam trong thúc đẩy cơ chế hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS). Ủng hộ ý tưởng hình thành EAS ngay từ đầu, Việt Nam chủ trương cùng các nước ASEAN xây dựng EAS trở thành diễn đàn mở của các nhà lãnh đạo, bàn về các vấn đề mang tầm chiến lược liên quan đến hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Á. Trong quá trình bàn về mở rộng thành viên của EAS từ năm 2009 đến năm 2010, Việt Nam ủng hộ việc Nga, Mỹ tham gia và tích cực thúc đẩy công thức EAS mở rộng trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2010, nỗ lực đưa ra được quyết định lịch sử của ASEAN mời Nga, Mỹ tham gia EAS tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-17 (Hà Nội, tháng 10/2010).

Trong khuôn khổ hợp tác quốc phòng

ASEAN mở rộng, Việt Nam luôn tích cực ủng hộ việc hình thành cơ chế ADMM+. Trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2010, Việt Nam tích cực thúc đẩy việc thông qua Tài liệu khái niệm về phương thức và thủ tục hoạt động của Hội nghị ADMM+ và đăng cai Hội nghị ADMM+ đầu tiên tại Hà Nội tháng 10/2010 với sự tham dự của Bộ trưởng Quốc phòng 10 nước ASEAN và 8 nước Đối tác ở Đông Á. ADMM+ đã bổ sung thêm một diễn đàn để các quan chức quốc phòng hàng đầu của các quốc gia, bao gồm cả các cường quốc quân sự lớn, cùng ngồi lại, trao đổi và thảo luận về các vấn đề an ninh và hợp tác quốc phòng trong khu vực. Kể từ khi ADMM+ ra đời đến nay, Việt Nam luôn tích cực và tham gia đầy đủ vào các kỳ Hội nghị cấp Bộ trưởng thường niên của ADMM+ cũng như các cơ chế hợp tác trực thuộc ADMM+, nhất là về cứu trợ thiên tai, đảm bảo an ninh, an toàn hàng hải v.v...

Cũng như các nước thành viên ASEAN khác, Việt Nam có những lợi ích không nhỏ khi tham gia vào tiến trình hợp tác và liên kết ở Đông Á, do đó, luôn chủ trương ủng hộ và làm sâu sắc hơn các khuôn khổ đối thoại và hợp tác Đông Á do ASEAN khởi xướng. Tuy không phải là nước đề xuất chính các sáng kiến hợp tác Đông Á, Việt Nam luôn là nước tích cực ủng hộ, thúc đẩy và hiện thực hoá các ý tưởng, sáng kiến do ASEAN đề ra. Nhiều dấu mốc quan trọng trong tiến trình hợp tác Đông Á đã được định hình với sự đóng góp quan trọng của Việt Nam như mở rộng EAS và thành lập Hội nghị ADMM+.

Từ sự phân tích trên, có thể nói, trong những năm qua, Việt Nam đã góp phần tích cực vào việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước thành viên, mở rộng quan hệ ngoại giao và hợp tác quốc tế, cùng các nước trong khu vực xây dựng một

môi trường quốc tế chung hoà bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Kết luận

Cùng với quá trình hình thành và phát triển, hợp tác Đông Á đã thu được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào việc tăng cường đoàn kết và mở rộng hợp tác trên tinh thần cùng tồn tại và phát triển giữa các quốc gia trong khu vực và cường quốc lớn trên thế giới. Đối với Việt Nam, mở rộng hợp tác Đông Á một mặt làm tăng cơ hội tiếp cận vốn, công nghệ, kỹ thuật nước ngoài, thúc đẩy tinh thần cộng đồng và hợp tác an ninh đa phương, mặt khác cũng tạo ra những thách thức có thể làm tổn thương đến chủ quyền và an ninh quốc gia. Trong bối cảnh hiện nay, hợp tác Đông Á đang đứng trước những thách thức lớn bởi sự tranh đua quyền lực giữa các nước lớn và phân tán chính trị nội bộ khu vực. Việt Nam cũng như các quốc gia trong khu vực cần nhìn nhận, đánh giá đúng mức và khách quan hơn lợi thế địa chính trị của mình và khai thác một cách có hiệu quả lợi thế đó, đồng thời cần có những nỗ lực mới, góp phần củng cố và thúc đẩy mô thức hợp tác Đông Á phát triển và mở rộng hơn trong tương lai, coi đó như một hướng chiến lược chính, ưu tiên trong quan hệ quốc tế./.

CHÚ THÍCH

1. Luận Thùy Dương (2006), "Tiến trình xây dựng Cộng đồng Đông Á: Động lực và trở ngại", tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 64, 3/2006
2. Kawai, Masahiro & Ganeshan Wignarja (2007), "ASEAN+3 or ASEAN+6: Which Way Forward?", ADBI discussion, p.77.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Thanh Bình (2009), "Cộng đồng kinh tế Đông Á: Xu hướng hợp tác mới và triển vọng", *Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3 (79).
2. Bộ ngoại giao (2002), *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Cheunboran, C. (2011), *East Asian Community building: Challenges and future prospects*, (CICP Working No.36). PhnomPenh: Cambodian Institute for Cooperation and Peace
4. Lê Việt Duyên (2012), "Vai trò của ASEAN trong cấu trúc khu vực Đông Á và tư duy đối ngoại Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 88.
5. Luận Thùy Dương (2006), "Tiến trình xây dựng Cộng đồng Đông Á: Động lực và trở ngại", *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 64.
6. Lê Thị Thu Hồng (2010), "ASEAN+3 và cục diện Đông Á đương đại", *Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 12 (118).
7. Kawai, Masahiro & Ganeshan Wignarja (2007), "ASEAN+3 or ASEAN+6: Which Way Forward?" ADBI discussion.
8. Trần Khánh (2010), "Lợi ích chiến lược của các nước lớn tại Đông Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.
9. Hoàng Khắc Nam (2007), *ASEAN trong bối cảnh hợp tác Đông Á, Đông Nam Á: Truyền thống và hội nhập*, Nxb Thế giới.
10. Hoàng Khắc Nam (2008) *Hợp tác đa phương ASEAN+3: Vấn đề và triển vọng*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Vũ Dương Ninh (2004), *Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
12. N. Thomas, "From ASEAN to an East Asian Community? The Role of Functional Cooperation", *SEARC Working Paper Series No. 28* (July 2002) City University of Hong Kong.